Nhóm 2 KNTT

1. Khuất Thị Thanh Hương: THCS Sơn Nam (TTN)
2. Dương Thị Phú: TH&THCS Tân Thanh 1
3. Lê Ngọc Hoan: THCS Bình Yên
4. Nguyễn Trí Thanh: ATK Sơn Dương
5. Nguyễn khắc Huỳnh: THCS Văn Phú
6. Hoàng Quốc Hoán: PTDTNT LâmBình

**TIẾT 9**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (KNTT)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì I, khi kết thúc nội dung:

1. Ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổ số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Mô đun: Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ | 2 | 4 | 6 |  |  |  |  | 10 | 0 | 28,6 | 2,5 |
| 1.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân. | 3 | 6 | 2 |  | 1 |  |  | 8 | 1 | 42,8 | 4 |
| 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật và công nghệ tại Việt Nam. | 2 | 6 | 4 |  |  |  | 1 | 10 | 1 | 28,6 | 3,5 |
| **Tổng** | | | **7** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100,0** | **10,00** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | 1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.   - Tầm quan trọng của nghề nghiệp đốivới con người.   * Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ về năng lực.   - Môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm  **Thông hiểu:**   * Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   - Phân tích được những Yêu cầu chung về phẩm chất của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ  -Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội  - Đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?   * Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.   - Phân tích được điểm giống nhau của nghề nghiệp và việc làm | **4** | **6** |  |  |
| 1.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân. | **Nhận biết:**   * Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. * Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.   - Các loại trình độ đào tạo theo khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam như Giáo dục mầm non, Giáo dục mẫu giáo, Giáo dục phổ thông, Giáo dục nghề nghiệp.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân   * Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Vận dụng:**  - Giải thích được tại sao việc ban hành các chính sách lại ảnh hưởng đến thị trường lao động, liên hệ được thực tế. | **6** | **2** | 1 |  |
| 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật và công nghệ tại Việt Nam. | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm về thị trường lao động.   - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  - Vận dụng kiến thức để đưa ra quyết định chọn nghề tương lai cho phù hợp với mỗi đối tượng học sinh.   * Nhà nước đóng vai trò gì trong việc thúc đẩy thị trường lao động * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động * Biết được các chính sách phát triển nguồn nhân lực đúng đắn do Nhà nước ban hành đem lại lợi ích gì.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.   * Phân tích được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   - Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ có tác động như thế nào đối với thị trường lao động  **Vận dụng cao:**  - Xác định được nhóm ngành nghề kĩ thuật, công nghệ phát triển trong thị trường lao động ở địa phương mình. | **6** | **4** |  | **1** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**A. Phần trắc nghiệm khách quan: *(7 điểm)* Khoanh vào đáp án đúng nhất, mỗi câu đúng được 0,25 điểm**

**Câu 1:**Nghề nghiệp là gì?

A. Tập hợp các công việc được một bộ phận xã hội nhất định công nhận.

B. Việc làm có tính chất ổn định, gắn bó lâu dài với mỗi người, mang lại thu nhập và những cơ hội họ để phát triển các giá trị bản thân, đóng góp chung cho cộng đồng và xã hội.

C. Tất cả các công việc đòi hỏi năng lực, kĩ năng chuyên sâu để tạo ra các sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng nhu cầu của xã hội, mang lại thu nhập ổn định và tạo ra giá trị cho bản thân.

D. Tập hợp tất cả các công việc mang lại nguồn thu nhập cho bản thân, gia đình.

**Câu 2:** Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là:

A. Tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

B.Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

C. Góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

D. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

**Câu 3:** Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

A. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

B. Chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

C.Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

D. Cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

**Câu 4:** Môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đặc điểm gì?

A. Truyền thống, ít biến đổi.

B. Ít hoặc không tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.

**C. Tiếp xúc nhiều với các thiết bị, công nghệ hiện đại.**

D. Không có nhiều áp lực về công việc.

**Câu 5:** Nội dung nào **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội?

A. Góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

B. Thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

C. Làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

D. Tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

**Câu 6** : Yêu cầu chung về phẩm chất của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là:

A. Hiểu biết các nguyên lí cơ bản của ngành kĩ thuật, công nghệ; có khả năng sử dụng các phương tiện, thiết bị đúng cách và hiệu quả.

B. Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện của các tổ chức công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất, các công ty công nghệ.

C. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

**D. Có ý thức phấn đấu, rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp, chuyên môn.**

**Câu 7:** Điểm khác nhau giữa nghề nghiệp và việc làm là:

A. Nghề nghiệp là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt, có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, chuyên môn nhất định.

B. Nghề nghiệp bao gồm cả những công việc nhất thời và lâu dài.

C. Nghề nghiệp là những công việc người lao động được giao cho và được trả công.

D. Nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu ở mức độ cao hơn của xã hội.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm môi trường làm việc của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thách thức.

B. Đối với lĩnh vực kĩ thuật môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.

C. Tiếp xúc với các thiết bị, công nghệ hiện đại.

D. Làm việc liên tục trong môi trường hoạt động nhóm, áp lực cao.

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp đối với xã hội?

A. Giúp con người phát triển, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề nghiệp; tạo ra thu nhập ổn định, tránh xa được các tệ nạn xã hội.

B. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.

C. Giảm thiểu các nguy cơ gây mất an toàn lao động.

D. Góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động.

**Câu 10:** Điểm giống nhau của nghề nghiệp và việc làm là:

A. Sử dụng kĩ năng, kĩ xảo, kiến thức để tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội.

B. Bao gồm những công việc nhất thời và lâu dài, đáp ứng nhu cầu kiếm sống.

C. Là dạng lao động đòi hỏi ở con người quá trình đào tạo chuyên biệt.

D. Là quá trình người lao động được giao cho làm và được trà công.

**Câu 11:** Các loại trình độ đào tạo theo khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành là?

A. Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học.

**B. Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.**

C. Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

D. Trung học phổ thông, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

**Câu 12:**Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam bao gồm?

**A. Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.**

B. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

C. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông.

D. Giáo dục mầm non và giáo dục đại học.

**Câu 13:** Giáo dục mầm non bao gồm

A. Mẫu giáo, tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.

B. Trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.

**C. Nhà trẻ và mẫu giáo.**

D. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.

**Câu 14:** Giáo dục mẫu giáo có độ tuổi là bao nhiêu?

A. Từ 3 đến 36 tháng tuổi.

**B. Từ 3 đến 5 tuổi.**

C. Từ 6 đến 12 tuổi.

D. Từ 13 tuổi trở lên.

**Câu 15:** Giáo dục phổ thông bao gồm

A. Nhà trẻ, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.

**B. Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.**

C. Giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông và đại học.

D. Giáo dục trung học phổ thông, đào tạo tiến sĩ và giáo dục thường xuyên.

**Câu 16:** Giáo dục nghề nghiệp bao gồm

**A. Trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng.**

B. Trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

C. Trình độ giáo dục thường xuyên.

D. Trình độ giáo dục phổ thông và trình độ giáo dục đại học.

**Câu 17:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân?

**A. Góp phần đào tạo nhân lực lao động làm việc, là tiền đề phát triển kinh tế đất nước.**

B. Tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội.

C. Hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

D. Góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về hướng đi của học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở?

A. Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục).

**B. Vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.**

C. Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

D. Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

**Câu 19:**Thị trường lao động là gì?

A. Là thị trường trao đổi hàng hóa sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thỏa thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc,...

B. Là người lao động bên bán, người sử dụng lao động bên mua.

C. Là hàng hóa sức lao động - toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.

D. Là các loại hàng hóa, dịch vụ có trên thị trường để trao đổi và mua, bán.

**Câu 20:** Những tiến bộ về công nghệ có vai trò gì đối với thị trường lao động?

A. Làm thay đổi nguồn nhân lực trong thị trường theo hướng tích cực.

B. Cung cấp kĩ năng thiết yếu như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.

C. Làm cho thị trường lao động có những thay đổi lớn theo hướng yêu cầu ngày càng thấp đối với người lao động về năng lực, trình độ chuyên môn.

D. Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nhiều công việc thay đổi theo hướng giảm bớt cầu lao động.

**Câu 21:**Để đưa ra quyết định chọn nghề tương lai cho phù hợp, mỗi học sinh cần phải làm gì?

A. Có kế hoạch học tập, lựa chọn nghề phù hợp thỏa mãn nhu cầu tuyển dụng lao động của xã hội.

B. Căn cứ lựa chọn nghề phù hợp với sở thích với bản thân.

C. **Có kế hoạch học tập, tu dưỡng, rèn luyện để chuẩn bị cho việc tham gia vào hoạt động nghề nghiệp.**

D. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ ở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

**Câu 22:** Nhà nước đóng vai trò gì trong việc thúc đẩy thị trường lao động?

A. Nhà nước chiếm vị trí quan trọng trong việc thúc đẩy thị trường lao động thông qua việc ban hành các chính sách phù hợp.

B. Nhà nước đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy thị trường lao động thông qua việc ban hành các chính sách phù hợp.

C. Nhà nước là cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua việc ban hành các chính sách phù hợp.

D. Nhà nước là một trong những yếu tố giúp nâng cao chất lượng lao động.

**Câu 23:** Vấn đề cơ bản của thị trường lao động hiện nay là?

A. Xu hướng tuyển dụng lao động chưa được đào tạo, thiếu kinh nghiệm.

B. Xu hướng cầu lao động cao hơn cung lao động.

**C. Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều.**

D. Chất lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật ngày càng cao.

**Câu 24:**Các chính sách phát triển nguồn nhân lực đúng đắn do Nhà nước ban hành đem lại lợi ích gì?

**A. Giúp nâng cao chất lượng của cung lao động.**

B. Giúp phân bổ đầu tư làm cầu lao động tăng.

C. Giúp điều chỉnh kinh tế, chính sách đầu tư phù hợp.

D. Giúp nâng cao chất lượng lao động giữa các ngành nghề.

**Câu 25:** Sự mất cân đối cung – cầu lao động được thể hiện ở những khu vực nào?

**A. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các vùng, khu vực và ngành nghề.**

B. Trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các doanh nghiệp.

C. Trên phạm vi cả nước.

D. Giữa các doanh nghiệp, các vùng và khu vực ngành nghề

**Câu 26:** Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của thị trường lao động?

A. Phát triển kinh tế - xã hội.

B. Đóng vai trò to lớn trong việc định hướng nghề nghiệp.

C. Cung cấp cho người lao động thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động.

**D. Người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp với nhu cầu của thị trường.**

**Câu 27:** Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ có tác động như thế nào đối với thị trường lao động?

A. Tác động đến sự phát triển kinh tế của từng địa phương.

B. Tác động đến các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ.

**C. Tác động đến các ngành nghề trong nền kinh tế cũng như các nhóm người lao động.**

D. Tác động đến sự phát triển xã hội của đất nước

**Câu 28:** Lực lượng lao động ở thành thị trong những năm vừa qua có đặc điểm gì?

A. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương giáp biển.

B. Xu hướng ngày càng tăng, tập trung lao động chủ yếu ở những địa phương có cơ cấu kinh tế cao.

C. Xu hướng ngày càng giảm, tập trung lao động chủ yếu ở vùng nông thôn.

**D. Xu hướng ngày càng tăng.**

**B. Phần tự luận: *(3 điểm)***

**Câu 1: *( 2 điểm)***

Trình bày các yếu tố chính ảnh hưởng đến thị trường lao động? Theo em còn yếu tố nào cũng ảnh hưởng đến thị trường lao động? Em hãy giải thích tại sao việc ban hành các chính sách lại ảnh hưởng đến thị trường lao động?

**Câu 2: *( 1 điểm)***

Nhóm ngành kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

**C. Đáp án biểu điểm:**

**I. Phần trắc nghiệm khách quan: *(7 điểm)* Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất, mỗi ý đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | **B** | **B** | **A** | **C** | **D** | **D** | **A** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **C** | **B** | **B** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **B** | **A** | **D** | **C** | **B** | **C** | **A** | **A** | **D** | **C** | **D** |

**\**

**II. Phần tự luận: *(3 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1: *( 2 điểm)*** | \* Các yếu tố ảnh hưởng đến thi trường lao động:  - Sự phát triển của khoa học, công nghệ:  + Những tiến bộ về công nghệ hỗ trợ sự dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế, nhiều công ty thay đổi theo hướng giảm bớt lao động..  + Làm cho thị trường lao động có những thay đổi lớn theo hướng yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động về năng lực, trình độ chuyên môn và các kĩ năng thiết yêu như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo.  - Sự chuyển dịch cơ cấu: sự chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ làm thay đổi nhu cầu lao động giữa các ngành, nghề và kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng.  - Nhu cầu lao động: sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng địa phương và nhu cầu sản xuất, tiêu dùng hàng hóa tác động khiến số lượng ngành, nghề, nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau.  - Nguồn lao động: số lượng lao động, thời gian tham gia lao động, chất lượng và cơ cấu nguồn lực con người tham gia vào thị trường lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành là yếu tố làm thay đổi thị trường lao động.  \* Ngoài những yếu tố chính ảnh hưởng đến thị trường lao động, các chính sách của Nhà nước cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.  - Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy thị trường lao động thông việc ban hành các chính sách phù hợp. | **0,75 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,75 điểm** |
| **Câu 2: *( 1 điểm)*** | HS dựa vào thực tế tại địa phương để trả lời câu hỏi. | **1 điểm** |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**